

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-3-2024  
V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Đoàn
- Ông Nguyễn Công Danh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Chánh Nhật, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 670/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2023 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(Các đương sự vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành L tự nguyện kết hôn vào ngày 11/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2018. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 04 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không đồng quan điểm sống, tính cách, về phương thức giáo dục con và cách ứng xử với các thành viên trong gia đình. Từ đó thường hay cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và sống ly thân từ cuối năm 2022. Nay chị thấy cuộc hôn nhân của chị không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh L. Về con chung: chị và anh L có 01 con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 06/7/2019, hiện con đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thành L đã được Tòa án cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn anh Nguyễn Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Nguyễn Thành L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An vào năm 2018, đúng với quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh L do trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và không còn sống chung từ cuối năm 2022. Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải vụ án nhằm tạo điều kiện cho chị N và anh L tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng anh L vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị N. Còn chị N kiên quyết ly hôn với anh L. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N đối với anh L.

[4] Nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh L có 01 người con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 06/7/2019. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, anh L không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung của chị N. Xét thấy, con chung hiện đang sống với chị N, được chị N chăm sóc và có cuộc sống ổn định. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cho chị N được quyền trực tiếp nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị N tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày chị và anh L không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh L không có văn bản trình bày ý kiến về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N đối với bị đơn anh Nguyễn Thành L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Nguyễn Thành L.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ánh N trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 06/7/2019. Chị Nguyễn Thị Ánh N không yêu cầu anh Nguyễn Thành L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010861 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, huyện C (Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2018);
- Lưu: VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Võ Thị Minh Hiệp**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



